

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-ST
Ngày: 30-9-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự - vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 29, 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1045/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Lý Tuyết N** - sinh năm 1977 (có mặt);

Đăng ký HKTT: Ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang cư trú: Ấp 2, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

*** Bị đơn:** Anh **Võ Văn Đ** - sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Nguyễn Cà Phê E** - sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp 2, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Anh **Biện Công T** - sinh năm 1972; Đăng ký HKTT: Ấp PH, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang cư trú: Ấp 2, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

- Anh **Lê Văn L** - sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Lý Tuyết N trình bày:*

Trước đây, chị có cho anh Võ Văn Đ vay tiền nhiều lần, việc vay tiền đều có làm biên nhận, các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 18/01/2020, số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 04/4/2020, số tiền 165.000.000 đồng.
- Ngày 08/6/2020, số tiền 50.000.000 đồng.

Tổng cộng là 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng).

Khi vay tiền các bên thỏa thuận về lãi suất, về thời hạn trả với nhau nhưng không ghi vào biên nhận. Nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù chị Ngọc đã nhiều lần nhắc nhở.

Theo đơn khởi kiện, chị Ngọc yêu cầu anh Đ phải trả lãi suất 1,25%/tháng theo từng khoản vay như sau: Đối với số tiền 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 18/01/2020 tính từ ngày 18/01/2020 đến ngày 16/11/2020 (09 tháng 28 ngày) tạm tính là 12.416.666 đồng. Đối với số tiền 165.000.000 đồng của khoản vay ngày 04/4/2020 tính từ ngày 04/4/2020 đến ngày 16/11/2020 (07 tháng 12 ngày) tạm tính là 15.262.500 đồng. Đối với số tiền 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 08/6/2020 tính từ ngày 08/6/2020 đến ngày 16/11/2020 (05 tháng 08 ngày) tạm tính là 3.291.666 đồng. Tổng cộng tiền lãi suất là 30.970.832 đồng.

Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Ngọc tự nguyện rút lại yêu cầu đối với phần lãi suất. Chị Ngọc chỉ yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm trả lại cho chị Ngọc số tiền vốn vay còn nợ là 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng).

Đối với lời trình bày của anh Võ Văn Đ tại phiên hòa giải và tại phiên tòa thì chị Ngọc không đồng ý. Chị Ngọc xác nhận anh Biện Công T (tên thường gọi là S) là chồng của chị. Tuy nhiên, giữa anh T và anh Đ có thỏa thuận làm ăn chung với nhau hay không thì chị hoàn toàn không biết. Theo chị được biết trước đây anh Đ có giới thiệu cho anh T mua đất, mỗi lần mua được đất thì anh T đều có chi hoa hồng bằng tiền mặt cho anh Đ. Chị Ngọc xác định chị không quen biết với anh Nguyễn Cà Phê E và anh Lê Văn L. Đối với lời trình bày của anh Đ cho rằng đã trả cho chị tổng số tiền 120.000.000 đồng, trong đó bao gồm số tiền 40.000.000 đồng mà anh Đ nhờ anh Cà Phê E trả cho chị (người nhận tiền là anh T) và số tiền 120.000.000 đồng mà anh Đ trả cho anh L để cân trừ số tiền anh T còn thiếu của anh L; chị Ngọc cho rằng lời trình bày của anh Đ là không đúng, chị hoàn toàn không biết gì về số tiền này, anh Đ cũng thông báo với chị về việc anh Cà Phê E đã gửi 40.000.000 đồng cho anh T để trả nợ cho chị và việc cân trừ số tiền 120.000.000 đồng đã trả cho anh L để trừ số tiền nợ vay của chị. Từ thời điểm vay tiền đến nay, giữa chị và anh Đ không có thỏa thuận gì về việc anh Đ trả tiền vay nói trên cho chị thông qua người khác nên anh Đ phải có nghĩa vụ trả tiền

trực tiếp cho chị. Ngoài ra, số tiền 315.000.000 đồng mà chị đã cho anh Đ vay là tài sản riêng của chị chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng chị.

Đối với việc anh T thừa nhận có nhận số tiền 40.000.000 đồng từ anh E thì chị Ngọc hoàn toàn không biết. Đồng thời, chị Ngọc cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

** Bị đơn anh Võ Văn Đ đã trình bày tại phiên hòa giải ngày 12/4/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Anh thừa nhận anh có vay tiền của chị Trần Lý Tuyết Ngọc nhiều lần, tổng số tiền là 315.000.000 đồng; các lần vay cụ thể là:

- Ngày 18/01/2020 có vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 04/4/2020, có vay thêm số tiền 165.000.000 đồng.
- Ngày 08/6/2020, có vay thêm số tiền 50.000.000 đồng.

Tất cả các lần vay đều có xác lập biên nhận và anh Đ cũng có ký tên vào biên nhận.

Sau khi vay không lâu anh Đ đã trả xong cho chị Ngọc số tiền vay 315.000.000 đồng nói trên, cụ thể như sau:

- Anh Đ có giao cho anh Nguyễn Cà Phê E, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp 2, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp số tiền 40.000.000 đồng, nhờ anh E trả cho chị Ngọc, người nhận tiền là anh T (chồng của chị Ngọc). Tuy nhiên, anh Đ không nhớ đã trả số tiền này vào thời gian nào, việc trả tiền không có lập thành văn bản.

- Anh Đ đã giao trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh Lê Văn L để trừ số tiền anh Đ đã vay của chị Ngọc. Vì trước đó anh T (chồng chị Ngọc) còn nợ của anh L số tiền 120.000.000 đồng. Việc anh Đ đã giao trả số tiền 120.000.000 đồng nêu trên cho anh L để cản trừ nợ thì anh Đ cũng không có thỏa thuận gì với chị Ngọc.

- Còn lại số tiền nợ là 155.000.000 đồng thì anh Đ trình bày đã được cản trừ vào số tiền lời mà anh Đ và anh T hùn mua đất với nhau. Việc hùn mua bán đất giữa anh Đ và anh T chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập thành văn bản. Anh Đ không nhớ cản trừ số 155.000.000 đồng nói trên qua bao nhiêu lần hùn, cũng không nhớ mỗi lần cản trừ bao nhiêu tiền, anh Đ cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình. Đồng thời, anh Đ cũng không có thỏa thuận với chị Ngọc về việc cản trừ nợ.

Như vậy, anh Đ xác định anh đã trả xong cho chị Ngọc đối với số tiền vay là 315.000.000 đồng nên nay anh không đồng ý với yêu cầu của chị Ngọc. Anh Đ xác định ngoài những lời trình bày nói trên thì anh cũng không còn chứng cứ nào khác để chứng minh.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng anh Đ đã giao cho anh E để trả cho chị Ngọc, mà anh T là người nhận tiền và số tiền 120.000.000 đồng anh Đ trả cho anh

L để cản trừ số tiền còn nợ chị Ngọc thì anh Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với anh E, anh L và anh T. Trường hợp có tranh chấp thì anh Đ sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:*

- Tại văn bản ý kiến ngày 14/4/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Cà Phê E trình bày: Trước đây, anh có nhận của anh Võ Văn Đ số tiền 40.000.000 đồng để trả cho chị Ngọc. Nhưng khi đến nhà anh không gặp chị Ngọc nên anh đã giao lại số tiền này cho anh T (chồng của chị Ngọc). Việc anh giao tiền cho anh T không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến, anh cũng không nhớ trả vào thời gian nào. Nhưng khi giao tiền cho anh T thì anh có nói đây là số tiền anh Đ gửi trả tiền cho chị Ngọc. Sau đó, anh T có giao lại số tiền này cho chị Ngọc hay không thì anh không biết. Tại phiên hòa giải ngày 12/4/2021 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị Ngọc không thừa nhận có nhận số tiền 40.000.000 đồng thì anh cũng không có ý kiến gì và cũng không có gì để chứng minh là đã giao số tiền này cho chị Ngọc. Trong vụ án này thì anh cũng không có yêu cầu gì đối với anh T.

- Tại văn bản ý kiến ngày 14/4/2021, anh Lê Văn L (tên thường gọi là Ti) trình bày: Trước đây anh có nhận tiền của anh Võ Văn Đ 02 lần, tổng số là 120.000.000 đồng, nhận vào thời gian nào anh không nhớ. Số tiền này dùng để trừ số tiền mà anh T (tên thường gọi là S - chồng của chị Ngọc) còn thiếu của anh. Việc anh Đ giao số tiền này cho anh là do anh T yêu cầu, để cản trừ nợ, các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Trường hợp, anh T không thừa nhận việc anh Đ giao cho anh số tiền này để trừ nợ thì anh cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Tại văn bản ý kiến ngày 13/4/2021, anh Biện Công T (tên thường gọi là S) trình bày: Anh là chồng của nguyên đơn Trần Lý Tuyết Ngọc, anh làm nghề kinh doanh bất động sản nên có quen biết với anh Võ Văn Đ. Trước đây anh Đ có giới thiệu anh mua đất và hưởng hoa hồng. Anh không có hùn mua đất với anh Đ, nên không có việc có được số tiền lời như anh Đ đã trình bày tại phiên hòa giải ngày 12/4/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm.

Về việc anh Đ cho rằng đã giao tiền cho anh L 120.000.000 đồng để trừ số tiền mà anh còn nợ của anh L là không đúng. Vì thực tế anh không có thiếu tiền của anh L, giữa anh và anh L chỉ quen biết bình thường. Đồng thời, số tiền 315.000.000 đồng chị Ngọc cho anh Đ vay là tài sản riêng của chị Ngọc. Nên khi chị Ngọc cho anh Đ vay tiền anh hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa, anh thừa nhận có nhận của anh Cà Phê E số tiền 40.000.000 đồng. Anh xác nhận số tiền này là tiền anh Đ gửi trả cho anh. Vì trước đó anh Đ có nợ anh một số tiền vẫn chưa trả. Khi anh E giao tiền cho anh thì chỉ nói số tiền này là anh Đ gửi trả, chứ không có nói là trả cho ai. Đồng thời, anh cũng không thông báo cho chị Ngọc biết việc anh nhận của anh E số tiền 40.000.000 đồng, vì anh nghĩ đây là số tiền anh Đ gửi trả cho anh và đây là tài sản riêng của anh, nên không cần thiết phải thông báo với chị N.

* Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Bản gốc các biên nhận đề ngày 18/01/2020, ngày 04/04/2020 và ngày 08/06/2020 có thể hiện chữ ký tên của anh Võ Văn Đ. Bị đơn anh Võ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập để được tiếp cận, công khai chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp, anh Đ cũng thừa nhận chứng cứ mà chị N giao nộp gồm các biên nhận nêu trên là đúng nên các chứng cứ này là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại các phiên hòa giải ngày 16/7/2021, ngày 12/8/2021, ngày 10/9/2021 và phiên tòa ngày 29/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, nguyên đơn chị Trần Lý Tuyết N yêu cầu bị đơn anh Võ Văn Đ phải có trách nhiệm trả số tiền vốn vay là 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Trần Lý Tuyết N trình bày anh Võ Văn Đ có thỏa thuận vay tiền của chị nhiều lần; cụ thể là anh Đ đã vay tiền của chị N 03 lần với tổng số tiền là 315.000.000 đồng, trong đó, lần thứ nhất vào ngày 18/01/2020, anh Đ vay số tiền là 100.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 04/4/2020, anh Đ vay số tiền là

165.000.000 đồng; lần thứ ba vào ngày 08/6/2020, anh Đ vay số tiền là 50.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có xác lập biên nhận do chính anh Đ ký tên và ghi họ tên, đã được chị N chứng minh bằng 03 biên nhận vay tiền đề ngày 18/01/2020, ngày 04/04/2020 và ngày 08/6/2020. Việc này đã được anh Đ thừa nhận qua các phiên hòa giải và tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay nêu trên là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, bị đơn anh Võ Văn Đ lại có ý kiến cho rằng anh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho chị N với tổng số tiền là 315.000.000 đồng; cụ thể như sau: Anh Đ có giao cho anh Nguyễn Cà Phê Em số tiền 40.000.000 đồng để anh Em trả cho chị N, anh Đ trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh Lê Văn L để trừ số tiền mà anh T (chồng chị N) còn nợ của anh L. Số tiền còn lại được căn trừ vào số tiền lời mà anh Đ và anh T (chồng chị N) hùn mua đất; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với việc anh Võ Văn Đ giao 40.000.000 đồng cho anh Nguyễn Cà Phê Em để nhờ anh Em trả cho chị N. Việc này đã được anh Em thừa nhận có nhận tiền từ anh Đ để trả cho chị N, nhưng anh Em không giao trực tiếp số tiền này cho chị N mà giao cho anh T (là chồng của chị N), khi trả tiền cho anh T thì anh Em có nói giao lại cho chị N. Anh T thừa nhận có nhận số tiền 40.000.000 đồng của anh Đ thông qua anh Em, nhưng anh T cho rằng số tiền này là anh Đ trả cho anh chứ không phải trả cho chị N nên anh T đã nhận và không thông báo với chị N; tuy nhiên, anh T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh rằng trước đó anh Đ có thiếu nợ tiền anh và cũng không chứng minh được số tiền 40.000.000 đồng này là anh Đ trả cho anh. Mặc khác, Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh T và chị N có mối quan hệ hôn nhân và cùng chung sống với nhau trong một gia đình thì việc chị N trình bày không biết việc anh T nhận số tiền 40.000.000 đồng từ anh Em là chưa phù hợp. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định số tiền 40.000.000 đồng này là số tiền anh Đ đã trả cho chị N.

Trường hợp, anh T không chứng minh số tiền 40.000.000 đồng anh Đ đã trả là khoản vay khác giữa anh Đ và anh T thì chị N cũng không yêu cầu anh T phải trả lại số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4.2] Tại văn bản ý kiến của anh Lê Văn L đề ngày 14/4/2021, anh không biết việc anh Đ có vay tiền của chị N hay không, anh chỉ cho rằng anh T (là chồng chị N) có thiếu anh số tiền 120.000.000 đồng và anh T cũng đã yêu cầu anh Đ trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh để trừ nợ (việc thỏa thuận chỉ bằng lời nói và không lập thành văn bản). Sau đó thì anh Đ đã trả cho anh tổng số tiền 120.000.000 đồng (anh đã nhận 02 lần, vào thời gian nào thì anh không nhớ). Trường hợp anh T không thừa nhận việc anh Đ đã trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh để trừ nợ thì anh cũng không có ý kiến gì do anh và anh T cũng không có lập văn bản gì để xác định anh T có thiếu nợ của anh. Tại phiên tòa, anh T không thừa nhận việc có

thiếu nợ của anh L số tiền 120.000.000 đồng nên càng không có việc anh yêu cầu anh Đ trả cho anh L 120.000.000 đồng để trừ nợ, đây chỉ là lời nói phiến diện của anh L và anh L cũng không có gì để chứng minh. Anh L cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh việc anh T có thiếu nợ của anh số tiền 120.000.000 đồng và cũng không chứng minh được số tiền này có liên quan như thế nào đối với số tiền mà anh Đ đã vay của chị N. Giữa anh Đ và chị N cũng không có thỏa thuận gì về việc anh Đ phải trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh L để trừ nợ. Đồng thời, anh Đ cũng thừa nhận là việc anh trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh L để trừ nợ thì chị N hoàn toàn không biết. Do đó, việc anh Đ cho rằng đã trả 120.000.000 đồng cho chị N là không có cơ sở.

Trường hợp, Tòa án không chấp nhận việc cản trừ số tiền 120.000.000 đồng nói trên thì anh Đ không có yêu cầu anh L phải trả lại, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4.3] Đối với số tiền 155.000.000 đồng còn lại thì anh Đ cho rằng đã trả xong cho chị N thông qua việc anh và anh T hùn vốn làm ăn, cụ thể là hùn vốn kinh doanh bất động sản với anh T, việc hợp tác giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng nên không lập thành văn bản. Sau mỗi lần hùn vốn kinh doanh với nhau có lợi nhuận thì anh Đ dùng số tiền lợi nhuận này để cản trừ vào số tiền mà anh đã vay của chị N và đến nay thì anh Đ đã trả xong cho chị N.

Tuy nhiên, việc anh Đ cho rằng có hùn vốn với anh trong việc kinh doanh bất động sản thì không được phía anh T thừa nhận, anh T cho rằng anh và Đ không có việc hùn vốn kinh doanh như anh Đ trình bày mà anh Đ chỉ là người giới thiệu cho anh mua đất và hưởng hoa hồng. Sau mỗi lần giới thiệu anh T đều đã chi hoa hồng bằng tiền mặt cho anh Đ. Do đó không có việc anh T và anh Đ chia lợi nhuận với nhau, cũng không có việc cản trừ lợi nhuận vào số tiền anh Đ đã vay của chị N như anh Đ đã trình bày. Anh Đ cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc có hùn vốn kinh doanh với anh T và cũng không chứng minh được số tiền lợi nhuận có được từ việc hùn kinh doanh để cản trừ vào số tiền đã vay của chị N. Đồng thời, anh Đ thừa nhận việc cản trừ lợi nhuận nói trên chỉ là thỏa thuận giữa anh với anh T, chị N hoàn toàn không biết, cũng như không được sự đồng ý của chị N. Do đó việc anh Đ cho rằng đã trả số tiền 155.000.000 đồng còn lại cho chị N thông qua việc cản trừ lợi nhuận kinh doanh với anh T là không có cơ sở để xem xét.

[4.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có cơ sở xác định anh Đ đã trả cho chị N số tiền là 40.000.000 đồng và còn nợ chị N số tiền 275.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn là chị N yêu cầu bị đơn là anh Đ trả cho chị N số tiền vay 315.000.000 đồng có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền 275.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất: Theo nội dung đơn khởi kiện, chị N yêu cầu anh Đ phải trả lãi suất 1,25%/tháng theo từng khoản vay với tổng số tiền tạm tính là 30.970.832 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, chị N tự nguyện rút lại yêu cầu đối với phần lãi suất. Xét thấy việc chị N

rút lại yêu cầu về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận ($275.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.750.000 \text{ đồng}$). Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận ($40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}$) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Lý Tuyết N. Buộc anh Võ Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho chị Trần Lý Tuyết N số tiền vay là 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Lý Tuyết N về việc yêu cầu anh Võ Văn Đ phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Trần Lý Tuyết N về phần lãi suất.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.750.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), buộc anh Võ Văn Đ phải chịu.

+ Chị Trần Lý Tuyết N phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.650.000 đồng (tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0012089** ngày **24/12/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, chị Trần Lý Tuyết N được nhận lại số tiền 6.650.000 đồng (sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh